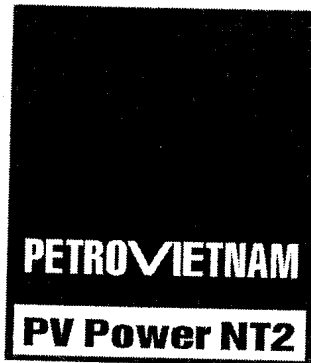


TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

-----0o0-----



**BAO CÁO TÀI CHÍNH**  
**9 Tháng đầu năm 2010**  
(Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010)

Nhon Trạch, Ngày 15 Tháng 10 Năm 2010

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2010 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2010**

10/2010

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	6 - 13

11/2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

**MẪU B 01-DN**  
 Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			30/09/2010	01/01/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.419.221.520.620</b>	<b>3.378.020.645.056</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>167.004.540.568</b>	<b>1.218.594.514.950</b>
1. Tiền	111		8.569.457.235	5.172.889.170
2. Các khoản tương đương tiền	112		158.435.083.333	1.213.421.625.780
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>208.000.000.000</b>	<b>985.115.181.040</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	208.000.000.000	985.115.181.040
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>976.391.399.869</b>	<b>1.154.512.698.507</b>
1. Trả trước cho người bán	132	6	863.257.773.539	1.110.956.597.426
2. Các khoản phải thu khác	135		113.133.626.330	43.556.101.081
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>67.825.580.183</b>	<b>19.798.250.559</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.896.692	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		67.488.137.677	19.788.250.559
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		334.545.814	10.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.721.761.485.563</b>	<b>1.854.985.216.748</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.484.867.889.916</b>	<b>1.843.830.785.657</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	5.698.264.210	5.038.043.016
- Nguyên giá	222		8.674.140.860	6.989.147.224
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.975.876.650)	(1.951.104.208)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	6.479.169.625.706	1.838.792.742.641
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9</b>	<b>11.140.000.000</b>	<b>11.140.000.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		11.140.000.000	11.140.000.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>225.753.595.647</b>	<b>14.431.091</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	225.753.595.647	14.431.091
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>8.140.983.006.183</b>	<b>5.233.005.861.804</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch  
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/9/2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2010	01/01/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.565.704.817.262</b>	<b>2.362.431.630.454</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.353.001.553.958</b>	<b>2.362.431.630.454</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	4.396.276.337.019	2.237.109.792.435
2. Phải trả người bán	312		912.628.280.242	78.721.437.429
3. Người mua trả tiền trước	313		400.000.000	100.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	13.019.752.328	29.793.401.833
5. Phải trả người lao động	315		1.930.609.402	1.248.609.426
6. Chi phí phải trả	316		27.479.585.181	15.303.635.906
7. Các khoản phải trả khác	319		219.262.824	154.753.425
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.047.726.962	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>212.703.263.304</b>	
1. Vay và nợ dài hạn	334	13	212.703.263.304	
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>		<b>2.575.278.188.921</b>	<b>2.870.574.231.350</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>2.573.685.301.269</b>	<b>2.870.574.231.350</b>
1. Vốn điều lệ	411		2.560.000.000.000	2.560.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(212.421.004.806)	123.934.916.030
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.140.000.000	11.140.000.000
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		214.966.306.075	175.499.315.320
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>1.592.887.652</b>	
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		1.592.887.652	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>8.140.983.006.183</b>	<b>5.233.005.861.804</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BCĐKT**


Ngoại tệ các loại  
 USD  
 EURO

Thuyết minh

30/09/2010

01/01/2010

120  
 196.42

  
**Hoàng Xuân Quốc**  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 15 tháng 10 năm 2010

  
**Nguyễn Hữu Minh**  
 Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch  
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/9/2010

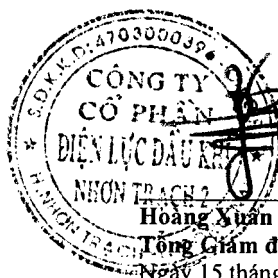
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

**Mẫu B 02-DN**

Đơn vị: VNĐ

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ 1/1/2010 đến 30/9/2010</b>	<b>Từ 1/1/2009 đến 30/9/2009</b>
1. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	76.686.867.533	132.922.374.012
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.067.031.757	7.896.478.376
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		59.619.835.776	125.025.895.636
4. Thu nhập khác	31		8.571.600	
5. Lợi nhuận khác	40		8.571.600	
6. Lợi nhuận trước thuế	50		59.628.407.376	125.025.895.636
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	16	14.908.081.844	21.900.059.236
<b>8. Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>60</b>		<b>44.720.325.532</b>	<b>103.125.836.400</b>

**Hoàng Xuân Quốc**  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 10 năm 2010

**Nguyễn Hữu Minh**  
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch  
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/9/2010

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

**MẪU B 03-DN**

Đơn vị: VNĐ

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ 1/1/2010 đến 30/9/2010</b>	<b>Từ 1/1/2009 đến 30/9/2009</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	59.628.407.376	125.025.895.636
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	903.494.637	816.342.515
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(76.686.867.533)	(132.922.374.012)
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(16.154.965.520)	(7.080.135.861)
Tăng các khoản phải thu	09	(4.173.486.037)	(10.346.935.169)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	(191.730.032)	(474.108.238)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(177.940.746.603)	(27.530.632)
Tiền lãi vay đã trả	13	(86.554.168.676)	(7.139.885.643)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(31.117.116.442)	(9.977.344.279)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.791.620.695))	(3.461.910.012)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(320.923.834.005)</b>	<b>(38.507.849.834)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang	21	(3.806.496.407.970)	(1.156.294.828.491)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(315.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	777.115.181.040	
3. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	26		15.204.174.000
4. Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	70.711.363.671	100.426.290.464
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.958.669.863.259)</b>	<b>(1.355.664.364.027)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		1.015.234.500.000
2. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	4.389.636.861.248	1.340.256.302.296
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.161.633.138.366)	(433.785.499.668)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>2.228.003.722.882</b>	<b>1.921.705.302.628</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(1.051.589.974.382)</b>	<b>527.533.088.767</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>1.218.594.514.950</b>	<b>1.471.276.549.558</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>167.004.540.568</b>	<b>1.998.809.638.325</b>



Hoàng Xuân Quốc  
 Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 10 năm 2010

Nguyễn Hữu Minh  
 Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch  
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/9/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000396 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp, và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 20 tháng 11 năm 2009.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2010 là 78 người .

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là quản lý đầu tư xây dựng và vận hành các công trình điện; sản xuất và kinh doanh điện năng; nhập khẩu nhiên liệu và thiết bị vật tư phụ tùng để sản xuất, kinh doanh điện; thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện; đào tạo nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình nhiệt điện.

Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 và kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng nợ khó đòi**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch  
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/9/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Phương tiện vận tải	6 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

**Ghi nhận doanh thu**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

**Ngoại tệ**

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong giai đoạn xây dựng cơ bản, được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong phần "Vốn chủ sở hữu". Khi công trình xây dựng nhà xưởng, văn phòng của Công ty hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh thực tế lũy kế được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, riêng phần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại lũy kế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 5 năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch  
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/9/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch  
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/9/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/09/2010	01/01/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	355.813.918	4.082.882
Tiền gửi ngân hàng	8.213.643.317	5.168.806.288
Các khoản tương đương tiền		1.213.421.625.780
	<u><b>8.569.457.235</b></u>	<u><b>1.218.594.514.950</b></u>

Các khoản tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn không quá 3 tháng .

**5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	30/09/2010	01/01/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn		681.000.000.000
Uỷ thác quản lý vốn	208.000.000.000	304.115.181.040
	<u><b>208.000.000.000</b></u>	<u><b>985.115.181.040</b></u>

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản ủy thác quản lý vốn tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam có kỳ hạn từ 3 tháng đến một năm.

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

Trả trước cho người bán bao gồm các khoản tạm ứng cho nhà thầu để thực hiện các công việc thiết kế, chế tạo, cung cấp hàng đến công trường, lắp ráp, thử nghiệm và chạy thử máy móc thiết bị nhà máy và các công việc theo sơ đồ đường găng của Công trình dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải <u>VNĐ</u>	Thiết bị văn phòng <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 1/1/2010	5.852.322.446	1.136.824.778	6.989.147.224
Tăng trong kỳ	1.662.143.636	22.850.000	1.684.993.636
Tại ngày 30/09/2010	7.514.466.082	1.159.674.778	8.674.140.860
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 1/1/2010	1.362.333.250	588.770.958	1.951.104.208
Khấu hao trong kỳ	769.767.294	255.005.148	1.024.772.442
Tại ngày 30/06/2010	<u>2.132.100.544</u>	<u>843.776.106</u>	<u>2.975.876.650</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/09/2010	<u><b>5.382.365.538</b></u>	<u><b>315.898.672</b></u>	<u><b>5.698.264.210</b></u>
Tại ngày 01/01/2010	<u><b>4.489.989.196</b></u>	<u><b>548.053.820</b></u>	<u><b>5.038.043.016</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch  
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/9/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 1 tháng 1	1.838.792.742.641	118.749.186.884
Tăng	4.640.376.883.065	1.720.043.555.757
<b>Tại ngày 30 tháng 9 và 31 tháng 12</b>	<b><u>6.479.169.625.706</u></b>	<b><u>1.838.792.742.641</u></b>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện tiền lãi vay và các khoản chi phí phát sinh cho việc thiết kế, chế tạo, cung cấp hàng đến công trường, lắp ráp, thử nghiệm và chạy thử máy móc thiết bị nhà máy và thực hiện công việc theo sơ đồ đường ống dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đạt được công suất 750MV.

**9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Tính đến ngày 30 tháng 09 năm 2010, Công ty đã góp 11.140.000.000 đồng (31/12/2009: 11.140.000.000 đồng), tương đương với 1.114.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu), chiếm 13,92% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao ("Sopewaco").

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng giá thị trường của các khoản đầu tư này cao hơn giá gốc, vì thế không cần thiết phải lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 1 tháng 1	14.431.091	38.045.960
Tăng	225.748.319.264	653.777
Phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	9.154.708	24.268.646
<b>Tại ngày 30 tháng 09 và 31 tháng 12</b>	<b><u>225.753.595.647</u></b>	<b><u>14.431.091</u></b>

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm Chi phí trả trước thanh toán hợp đồng bảo trì công trình dài hạn số VIT1000 NT2 2009-11-03 giữa Công ty và Siemens AG nhằm thực hiện bảo trì thiết bị, máy móc cho Công ty trong giai đoạn vận hành sản xuất kinh doanh với tổng giá trị hợp đồng là 142.500.000 Euro và chi phí lãi vay trung hạn được vay nhằm mục đích thanh toán cho hợp đồng bảo trì dài hạn với Siemens AG.

**11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/09/2010	01/01/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Vay ngắn hạn	<u>4.396.276.337.019</u>	<u>2.237.109.792.435</u>

Dư nợ vay ngắn hạn theo nguyên tệ:

	30/09/2010	01/01/2010
Ngân hàng Citibank Việt Nam	42.698.031,3	EUR
Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam	50.000.000	USD

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch  
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/9/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

UNITED OVERSEAS BANK LIMITED	40.000.000		USD
Ngân hàng Techcombank – Chi nhánh HCM	15.000.000	37.110.400	EUR
Ngân hàng Techcombank – Chi nhánh HCM		35.781.735	USD
Ngân hàng Calyon – Chi nhánh HCM	43.603.659,46		EUR
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - SGD		15.000.000	EUR
Ngân hàng TMCP Đại Dương – CN Vũng Tàu		8.000.000	EUR

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/09/2010 <u>VNĐ</u>	01/01/2010 <u>VNĐ</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.909.231.157	29.118.265.755
Thuế thu nhập cá nhân	110.521.171	35.981.314
Thuế nộp hộ nhà thầu nước ngoài	232.538.793	639.154.764
	<u>13.019.752.328</u>	<u>29.793.401.833</u>

**13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

Tại ngày 15 tháng 3 năm 2010, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank), Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 10.000.000 Euro với thời hạn vay là 4 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Nợ gốc của khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ hàng quý trong vòng 10 kỳ thanh toán. Lãi trả nợ gốc đầu tiên sau 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này dưới hình thức tín chấp và chịu lãi suất 5,33%/năm và sẽ được điều chỉnh 6 tháng một lần và bằng lãi suất tiền gửi huy động 12 tháng của Techcombank tại thời điểm điều chỉnh cộng 3,0%/năm. Tính đến ngày 30 tháng 09 năm 2010, Công ty đã giải ngân 8.002.982,29 Euro.

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Tại 30/9/2010 và 01/01/2010	
	<u>Số cổ phiếu</u>	<u>VNĐ</u>
Cổ phiếu được phép phát hành	256.000.000	2.560.000.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ	256.000.000	2.560.000.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	<u>VNĐ</u>	<u>%</u>	30/09/2010 <u>VNĐ</u>	01/01/2010 <u>VNĐ</u>
Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam	1.326.061.500.000	51,8	1.326.061.500.000	1.326.061.500.000
Tổng công ty Tài chính Cổ Phần Dầu khí Việt Nam	281.600.000.000	11	281.600.000.000	281.600.000.000
Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ	256.000.000.000	10	256.000.000.000	256.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch  
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/9/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tập đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam	128.000.000.000	5	128.000.000.000	128.000.000.000
Tập đoàn Than Khoáng Sản Việt Nam	128.000.000.000	5	128.000.000.000	128.000.000.000
Công ty ElectricPower Development (J-Power - Nhật Bản)	128.000.000.000	5	128.000.000.000	128.000.000.000
Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam	64.000.000.000	2,5	64.000.000.000	64.000.000.000
Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	64.000.000.000	2,5	64.000.000.000	64.000.000.000
Các cổ đông khác	184.338.500.000	7,2	184.338.500.000	184.338.500.000
	<b>2.560.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>2.560.000.000.000</b>	<b>2.560.000.000.000</b>

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:**

	Vốn điều lệ VNĐ	Chênh lệch tỷ giá VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2009	1.544.765.500.000	57.148.410	-	54.031.310.806	1.598.853.959.216
Góp vốn	1.015.234.500.000	-	-	-	1.015.234.500.000
Chênh lệch tỷ giá	-	123.877.767.620	-	-	123.877.767.620
Phân phối lợi nhuận	-	-	11.140.000.000	(11.140.000.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	135.809.565.054	135.809.565.054
Chi khác trong năm	-	-	-	(3.201.560.540)	(3.201.560.540)
Số dư tại ngày 1/1/2010	2.560.000.000.000	123.934.916.030	11.140.000.000	175.499.315.320	2.870.574.231.350
Chênh lệch tỷ giá	-	(336.355.920.836)	-	-	(336.355.920.836)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	44.720.325.532	44.720.325.532
Chi khác trong năm	-	-	-	(5.253.334.777)	(5.253.334.777)
Số dư tại ngày 30/9/2010	2.560.000.000.000	(212.421.004.806)	11.140.000.000	214.966.306.075	2.573.685.301.269

**15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Doanh thu hoạt động tài chính thể hiện khoản tiền lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng và các khoản Ủy thác quản lý vốn tại các tổ chức tài chính.

**16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 1/1/2010 đến 30/9/2010 VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/9/2009 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	59.628.407.376	125.025.895.636
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.920.000	117.300.000
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>59.632.327.376</b>	<b>125.143.195.636</b>
Thuế suất	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>14.908.081.844</b>	<b>31.285.798.909</b>
Giảm trừ thuế	-	9.385.739.673
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>14.908.081.844</b>	<b>21.900.059.236</b>

Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng trong thời hạn 15 năm kể từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế.

Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập từ các hoạt động khác theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 do Bộ Tài chính ban hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch  
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/9/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.


**17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	30/9/2010	01/01/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<b>Thu nhập tài chính Tại PVFC</b>		
Lãi tiền gửi từ Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam	14.323.067.125	22.933.191.682

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/09/2010	01/01/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<b>Phải thu khác tại PVFC</b>		
Lãi dự thu từ Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam	3.510.322.222	5.273.448.592
<b>Đầu tư tài chính</b>		
Ủy thác quản lý vốn tại Tổng Công ty cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam	208.000.000.000	304.115.181.040

  
**Hoàng Tuấn Quốc**  
**Tổng Giám đốc**  
 Ngày 15 tháng 10 năm 2010

  
**Nguyễn Hữu Minh**  
**Kế toán trưởng**